

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 249 / KSBT-XN-CDHA-TDCN



- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG
CẤP THOÁT NƯỚC SUỐI DẦU**
- Địa chỉ: 58 Yersin – Phường Tây Nha Trang – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 21626HĐ
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy nước Suối Dầu
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy
tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 14/4/2026
- Ngày nhận mẫu: 14/4/2026
- Thời gian kiểm nghiệm: 14/4/2026 đến 17/4/2026
- Ngày hẹn trả kết quả: 28/4/2026
- Kết quả kiểm nghiệm: Xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

K.T. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Tình

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao bất kỳ phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép (***)
1	Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
2	Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Màu sắc (TCU) ^(*)	HACH 8025:2014	1	15
4	Mùi ^(*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không phát hiện mùi	Không có mùi lạ
5	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	7,04	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (NTU) ^(*)	TCVN 12402-1:2020	0,07	2
7	Clo dư tự do (mg/L) ^(*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,6	Trong khoảng 0,2-1,0
8	Permanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,3	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	0,04	1
10	Clorua (Chloride) (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	14,2	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	10	300
12	Mangan (Mn) (mg/L)	HACH 8149:2014	0,059	0,1
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,4	11
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,005	0,9
15	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,065	0,3
16	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) (mg/L)	HACH 8051:2014	1	250

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)



BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR NHA TRANG
KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – BỆNH NGHỀ NGHIỆP
DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL AND OCCUPATIONAL HEALTH



Mã mẫu / Sample Code: 074/04/2026/HH-00	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 127/04/2026	Ngày / Date: 17/04/2026
--	--	----------------------------

Khách hàng / Client : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC SUỐI DẦU
Địa chỉ / Address : Số 58 Yersin, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu / Type of sample : Nước máy
Nơi lấy mẫu / Place of sampling : Nhà máy nước Suối Dầu
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong 1 ống nghiệm nhựa 50 mL có nắp vặn
Ngày lấy mẫu / Date of sampling : 14/04/2026
Ngày nhận mẫu / Sample received on : 14/04/2026
Ngày kiểm nghiệm / Sample tested on : Từ ngày 14/04/2026
Thời gian lưu mẫu / Sample storage period : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Giới hạn tối đa cho phép (*) / Maximum limit (*)
1	Asen ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	0,001	0,01

Ghi chú:

(a): Chỉ tiêu được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

(*): Giới hạn tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

Nhận xét: Chỉ tiêu được phân tích của mẫu nước trên đây đạt chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2024/BYT.

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT

Hồ Văn Quốc

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thành Đông

BM-TT-7.8

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ This result is only valid on tested sample.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang./ This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
- Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample information are written as client's request.

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 247 /KSBT-XN-CDHA-TDCN



- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG
CÁP THOÁT NƯỚC SUỐI DẦU**
- Địa chỉ: 58 Yersin – Phường Tây Nha Trang – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 21826HĐ
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại tủ mẫu cầu vượt đường sắt
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy
tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 14/4/2026
- Ngày nhận mẫu: 14/4/2026
- Thời gian kiểm nghiệm: 14/4/2026 đến 17/4/2026
- Ngày hẹn trả kết quả: 28/4/2026
- Kết quả kiểm nghiệm: Xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

K.Í. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Tình

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép (***)
1	Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
2	Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Màu sắc (TCU) ^(*)	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
4	Mùi ^(*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không phát hiện mùi	Không có mùi lạ
5	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	7,03	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (NTU) ^(*)	TCVN 12402-1:2020	0,27	2
7	Clo dư tự do (mg/L) ^(*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,5	Trong khoảng 0,2-1,0
8	Permanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,2	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	0,01	1
10	Clorua (Chloride) (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	10,7	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	10	300
12	Mangan (Mn) (mg/L)	HACH 8149:2014	0,001	0,1
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,3	11
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,003	0,9
15	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,025	0,3
16	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)



BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR NHA TRANG
KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – BỆNH NGHỀ NGHIỆP
DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL AND OCCUPATIONAL HEALTH



Mã mẫu / Sample Code: 076/04/2026/HH-00	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 129/04/2026	Ngày / Date: 17/04/2026
--	--	----------------------------

Khách hàng / Client : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC SUỐI DẦU
Địa chỉ / Address : Số 58 Yersin, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu / Type of sample : Nước máy
Nơi lấy mẫu / Place of sampling : Tủ mẫu Cầu vượt đường sắt
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong 1 ống nghiệm nhựa 50 mL có nắp vận
Ngày lấy mẫu / Date of sampling : 14/04/2026
Ngày nhận mẫu / Sample received on : 14/04/2026
Ngày kiểm nghiệm / Sample tested on : Từ ngày 14/04/2026
Thời gian lưu mẫu / Sample storage period : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Giới hạn tối đa cho phép (*) / Maximum limit (*)
1	Asen ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	0,001	0,01

Ghi chú:

(a): Chỉ tiêu được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

(*): Giới hạn tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

Nhận xét: Chỉ tiêu được phân tích của mẫu nước trên đây đạt chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2024/BYT.

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT


Hồ Văn Quốc

VIỆN TRƯỞNG
V. DIRECTOR

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông

BM-TT-7.8

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ This result is only valid on tested sample.
2. Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang.
/This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
3. Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample information are written as client's request.

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 248 /KSBT-XN-CDHA-TDCN



- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG
CẤP THOÁT NƯỚC SUỐI DẦU**
- Địa chỉ: 58 Yersin – Phường Tây Nha Trang – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 21926HD
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại tủ mẫu Suối Cát
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy
tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 14/4/2026
- Ngày nhận mẫu: 14/4/2026
- Thời gian kiểm nghiệm: 14/4/2026 đến 17/4/2026
- Ngày hẹn trả kết quả: 28/4/2026
- Kết quả kiểm nghiệm: Xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

K.T. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Tình

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

TT	Tên chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép (***)
1	Định lượng Coliforms tổng số(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
2	Định lượng E.Coli(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Màu sắc (TCU) (*)	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
4	Mùi (*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không phát hiện mùi	Không có mùi lạ
5	pH (*)	TCVN 6492:2011	7,05	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (NTU) (*)	TCVN 12402-1:2020	0,10	2
7	Clo dư tự do (mg/L) (*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,6	Trong khoảng 0,2-1,0
8	Permanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,2	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	KPH	1
10	Clorua (Chloride) (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	10,7	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	10	300
12	Mangan (Mn) (mg/L)	HACH 8149:2014	0,008	0,1
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,4	11
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,002	0,9
15	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,004	0,3
16	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp

(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

(***) : Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)



BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR NHA TRANG
KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – BỆNH NGHỀ NGHIỆP
DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL AND OCCUPATIONAL HEALTH



Mã mẫu / Sample Code: 077/04/2026/HH-00	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 130/04/2026	Ngày / Date: 17/04/2026
--	--	----------------------------

Khách hàng / Client : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC SUỐI DẦU
Địa chỉ / Address : Số 58 Yersin, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu / Type of sample : Nước máy
Nơi lấy mẫu / Place of sampling : Tủ mẫu Suối Cát
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong 1 ống nghiệm nhựa 50 mL có nắp vặn
Ngày lấy mẫu / Date of sampling : 14/04/2026
Ngày nhận mẫu / Sample received on : 14/04/2026
Ngày kiểm nghiệm / Sample tested on : Từ ngày 14/04/2026
Thời gian lưu mẫu / Sample storage period : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Giới hạn tối đa cho phép (*) / Maximum limit (*)
1	Asen ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	0,001	0,01

Ghi chú:

(a): Chỉ tiêu được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

(*): Giới hạn tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

Nhận xét: Chỉ tiêu được phân tích của mẫu nước trên đây đạt chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2024/BYT.

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT


Hồ Văn Quốc

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thành Đông

BM-TT-7.8

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ This result is only valid on tested sample.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang./ This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
- Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample information are written as client's request.

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 246 /KSBT-XN-CDHA-TDCN



- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG
CẤP THOÁT NƯỚC SUỐI DẦU**
- Địa chỉ: 58 Yersin – Phường Tây Nha Trang – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 21726HD
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại tủ mẫu DMA Phước Thủy, Phước Đồng
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 14/4/2026
- Ngày nhận mẫu: 14/4/2026
- Thời gian kiểm nghiệm: 14/4/2026 đến 17/4/2026
- Ngày hẹn trả kết quả: 28/4/2026
- Kết quả kiểm nghiệm: Xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Tình

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm.
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm – CDHA - TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM



TT	Tên chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả	Giới hạn cho phép (***)
1	Định lượng Coliforms tổng số ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
2	Định lượng E.Coli ^(*) Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Màu sắc (TCU) ^(*)	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
4	Mùi ^(*)	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023)	Không phát hiện mùi	Không có mùi lạ
5	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	7,09	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (NTU) ^(*)	TCVN 12402-1:2020	0,09	2
7	Clo dư tự do (mg/L) ^(*)	HACH 58700-00 Colorimeter	0,6	Trong khoảng 0,2-1,0
8	Permanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,2	2
9	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	0,01	1
10	Clorua (Chloride) (Cl ⁻) (mg/L)	TCVN 6194:1996	10,7	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ (mg/L)	TCVN 6224:1996	10	300
12	Mangan (Mn) (mg/L)	HACH 8149:2014	0,001	0,1
13	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,4	11
14	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,004	0,9
15	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,010	0,3
16	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻) (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250

Ghi chú:

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp

^(*): Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

^(**): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ

^(***): Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2024/BYT)



BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR NHA TRANG

KHOA SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG – BỆNH NGHỀ NGHIỆP
DEPARTMENT OF ENVIRONMENTAL AND OCCUPATIONAL HEALTH



Mã mẫu / Sample Code: 075/04/2026/HH-00	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT Số/No: 128/04/2026	Ngày / Date: 17/04/2026
--	--	----------------------------

Khách hàng / Client : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CẤP THOÁT NƯỚC SUỐI DẦU
Địa chỉ / Address : Số 58 Yersin, phường Tây Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Loại mẫu / Type of sample : Nước máy
Nơi lấy mẫu / Place of sampling : Tủ mẫu DMA Phước Thủy, Phước Đồng
Mô tả mẫu / Sample description : Mẫu đựng trong 1 ống nghiệm nhựa 50 mL có nắp vặn
Ngày lấy mẫu / Date of sampling : 14/04/2026
Ngày nhận mẫu / Sample received on : 14/04/2026
Ngày kiểm nghiệm / Sample tested on : Từ ngày 14/04/2026
Thời gian lưu mẫu / Sample storage period : 10 ngày kể từ ngày trả kết quả

STT / No	Tên chỉ tiêu / Parameter	Phương pháp kiểm nghiệm / Test method	Kết quả / Result	Giới hạn tối đa cho phép (*) / Maximum limit (*)
1	Asen ^(a) (mg/L)	QTKN/HL/11 (SMEWW - 3125:2017)	0,001	0,01

Ghi chú:

(a): Chỉ tiêu được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025:2017/ Parameter is accredited ISO/IEC 17025:2017

(*): Giới hạn tối đa cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt (QCVN 01-1:2024/BYT);

Nhận xét: Chỉ tiêu được phân tích của mẫu nước trên đây đạt chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt theo QCVN 01-1:2024/BYT.

TRƯỞNG KHOA
HEAD OF DEPARTMENT


Hồ Văn Quốc

VIỆN TRƯỞNG
V. DIRECTOR



Nguyễn Thành Đông

BM-TT-7.8

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được kiểm nghiệm./ This result is only valid on tested sample.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur Nha Trang.
/This test report must not be reproduced, partially or fully, without the written approval of Pasteur Institute in Nha Trang.
- Thông tin của khách hàng và mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample information are written as client's request.